

Số: 100/2025/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 397/2025/TLST - DS ngày 26 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng K.**

Địa chỉ: 40- 42-44 Phạm Hồng T, phường G, tỉnh An Giang.

Người đại diện cho Ngân hàng K: **Bà Nguyễn Thị H** - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 2376/QĐ-NHKL ngày 28/8/2025 của **Phó Giám đốc** Khôi - Khôi Quản trị rủi ro kiêm Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ.

Ủy quyền: **Ông Lê Hoàng D**, sinh năm 1982 - Chức vụ: Chuyên viên chính Xử lý nợ - Trung tâm Xử lý nợ - Ngân hàng K. Địa chỉ: 13C Khu H, Khu phố A, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh **tham gia tố tụng** theo văn bản ủy quyền số 572/UQ-NHKL ngày 10/11/2025 của Phó giám đốc Khôi - Khôi Quản trị rủi ro kiêm Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ.

- *Bị đơn:* **1. Ông Trần H**, sinh ngày 10/11/1960.

Căn cước công dân số: 083060007144, cấp ngày 29/9/2022.

2. Bà Đoàn Thị N, sinh ngày 20/11/1958.

Căn cước công dân số: 083158000771, cấp ngày 01/4/2021.

Cùng địa chỉ: Ấp 1 S, xã D, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần H và bà Đoàn Thị N thừa nhận còn nợ và đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng K số tiền nợ vay tính đến ngày **15 tháng 12** năm 2025 là: 127.402.949 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 81.000.000 đồng (Tám mươi một triệu đồng).
- Nợ lãi trong hạn: 12.356.974 đồng (Mười hai triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, chín trăm bảy mươi bốn đồng).
- Nợ lãi quá hạn: 34.045.975 đồng (Ba mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng).

2.2. Thời gian thực hiện:

+ Lần 1 - Vào ngày 16/02/2026: Ông Trần H và bà Đoàn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

+ Lần 2 - Vào ngày 16/3/2026: Ông Trần H và bà Đoàn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng số tiền 77.402.949 đồng (Bảy mươi bảy triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) là hoàn tất nợ.

2.3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 15 tháng 12 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần H và bà Đoàn Thị N còn phải **có nghĩa vụ liên đới** chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số 200/19/HĐTD/0301-5838 ngày 03/09/2019 mà các bên đã ký kết.

*(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng **thời** kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất **mà** ông Trần H và bà Đoàn Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).*

2.4. Về xử lý tài sản thế chấp:

Đến thời hạn trả nợ nêu trên mà ông Trần H và bà Đoàn Thị N không thực hiện theo đúng thỏa thuận, thì ông Trần H và bà Đoàn Thị N tự nguyện **đồng ý có nghĩa vụ** giao **toàn bộ** tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số 200/19/HĐTC-BDS/0301-5838 ngày 03/09/2019 đã ký kết để Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý thu hồi nợ và lãi phát sinh.

2.5. Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán hết khoản nợ nêu trên thì ông Trần H và bà Đoàn Thị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng K.

*** Nợ thẻ tín dụng:**

2.6. Ông Trần H thừa nhận còn nợ và đồng ý có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K số tiền nợ **thẻ tín dụng theo** Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kiên Long Bank số 0016/19/TC/0301-05838 ngày 11/09/2019 **tính đến ngày 15 tháng 12 năm 2025** là: 53.417.011 đồng (Năm mươi ba triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, không trăm mười một đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 33.254.464 đồng (Ba mươi ba triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

- Nợ lãi trong hạn: 12.415.628 đồng (Mười hai triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng).

- Nợ lãi quá hạn: 7.746.919 đồng (Bảy triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm mười chín đồng).

2.7. Thời gian thực hiện:

Trả vào ngày 16/02/2026 là hoàn tất.

2.8. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 15 tháng 12 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần H còn phải **có nghĩa vụ** chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kiên Long Bank số 0016/19/TC/0301-05838 ngày 11/09/2019 mà các bên đã ký kết.

*(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng **thời** kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất **mà** ông Trần H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).*

2.9. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

2.9.1. Ông Trần H và bà Đoàn Thị N có nghĩa vụ liên đới chịu là 3.185.073 đồng (Ba triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba đồng) nhưng ông bà được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (do ông bà thuộc trường hợp người cao tuổi).

2.9.2. Ông Trần H có nghĩa vụ chịu là 1.335.425 đồng (Một triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng) nhưng ông được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (do ông thuộc trường hợp người cao tuổi).

2.9.3. Ngân hàng K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.665.735 đồng (Ba triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0007965 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên